

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2025

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Anh Dũng;

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tạ Trung Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Mai A**, sinh năm 08/10/1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Số định danh cá nhân: 034192011334.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (không rõ địa chỉ cụ thể).

Số định danh cá nhân: 034090000422.

(Chị Mai A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2025 và Bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Mai A yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Văn T và trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là Ủy ban nhân dân xã H), huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 01/9/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến năm 2016, vợ chồng chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, được khoảng 01 năm thì anh T bỏ hợp đồng ra ngoài làm việc. Đến năm 2022, chị hoàn thành hợp đồng lao động và trở về Việt Nam sinh sống còn anh T vẫn ở lại Đài Loan từ đó đến nay. Hai vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Hai vợ chồng không thường xuyên liên lạc, hỏi han, quan tâm nhau, sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/02/2014. Hiện nay, con chung đang ở với ông, bà nội là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1964, địa chỉ tại: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông S và bà H cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

**\* Đối với anh Nguyễn Văn T:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án cho anh Nguyễn Văn T thông qua gia đình anh T, nhưng anh T không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Tòa án.

**\* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình (bố đẻ của anh Nguyễn Văn T) trình bày:**

Về điều kiện kết hôn giữa chị Mai A và anh T như chị Mai A đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Mai A và anh T sống cùng gia đình ông được một thời gian thì đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để ổn định cuộc sống. Đến năm

2022, chị Mai A trở về Việt Nam còn anh T vẫn ở Đài Loan làm việc, địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan như thế nào thì ông không nắm được. Ông vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại, anh T trình bày mâu thuẫn của hai vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị Mai A xin ly hôn tại Tòa án, anh T đồng ý.

Vợ chồng chị Mai A và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/02/2014. Hiện nay, cháu N đang ở với ông, bà tại địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình, đang học tập và sinh hoạt rất tốt và vui vẻ. Anh Tú liên lạc về cho ông trình bày nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì mẹ cháu sẽ đi lấy chồng khác, anh T ủy quyền cho ông, bà nuôi dưỡng con chung. Nếu Tòa án giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm giao cho ông, ông không yêu cầu anh T phải thanh toán bất kỳ khoản chi phí nào. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T nói vợ chồng anh, chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh Tú liên lạc với ông trình bày hai vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, nợ chung.

Do anh T đang ở nước ngoài, không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đề nghị Tòa án gửi các văn bản về cho ông, ông sẽ có trách nhiệm gửi văn bản cho anh T qua mạng xã hội Zalo để đảm bảo quyền lợi cho anh T.

**\* Công văn số 511/PA08 ngày 19/5/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh T cung cấp:** Anh Nguyễn Văn T xuất cảnh lần gần nhất ngày 26/4/2016, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Mai A ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về quan hệ con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao con chung Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/02/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chấp nhận việc anh T ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình chăm sóc,

nuôi dưỡng con Thảo Nhi đến khi anh T về Việt Nam. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Chị Mai A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Phạm Mai A xin ly hôn anh Nguyễn Văn T theo thủ tục chung, chị Mai A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh và có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn - anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án thông báo thông qua bố đẻ của anh các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp bản tự khai và địa chỉ cụ thể tại Đài Loan của anh cho Tòa án. Như vậy, anh T đã cố tình giấu địa chỉ, từ chối trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho thân nhân của anh T và đã niêm yết công khai các văn bản đó tại chính quyền địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T ở Việt Nam để đảm bảo quyền tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho anh T. Tuy nhiên, anh T vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Chị Mai A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị Phạm Mai A và anh Nguyễn Văn T.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:**

[2.1] Quan hệ hôn nhân của chị Phạm Mai A và anh Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là Ủy ban nhân dân xã H), huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 01/9/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Mai A và anh T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn như trước, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Sau khi chị Mai A đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh T ở lại Đài Loan làm việc, vợ chồng không còn thường xuyên liên lạc, quan tâm nhau.

Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do anh T đang ở Nhật Bản không thể đến Tòa án để tham gia hòa giải và thỏa thuận ly hôn nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Mai A, xử cho chị Mai A ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/02/2014, đang ở với bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1964, địa chỉ tại: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, chị Mai A đề nghị Tòa án giao con chung cho cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông S và bà H cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Thông qua người nhà, anh T cũng đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bố, mẹ đẻ của anh là ông S và bà H cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Xét thực tế, con Thảo N đang ở cùng với ông, bà nội, có nguyện vọng được ở với bố. Ông Nguyễn Văn S (bố đẻ anh T) đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng con Thảo N giúp anh T trong thời gian anh T đi lao động ở nước ngoài. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, xem xét đến nguyện vọng các đương sự và của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con Thảo N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng trước mắt bố mẹ anh T nuôi dưỡng thay anh là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Mai A và anh T đều đề nghị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con chung được giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tòa án đã thông tin qua ông S (là bố đẻ của anh T) hướng dẫn anh T trình bày lời khai, quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Mai A nhưng anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Mai A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản b điểm 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1



Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Mai A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/02/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh Nguyễn Văn T ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình chăm sóc, nuôi dưỡng con Thảo Nhi đến khi anh T về Việt Nam.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị Mai A, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Mai A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Mai A đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000490 ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Mai A có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thúy Hoàn**